

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIÊU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/DSST

Ngày: 31-8-2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ;**

Ông **Lê Văn Bài.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Hùng Cường**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 543/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2022/QĐST-DS ngày 10/8/2022; giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp II, xã Tr, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông A: Ông **Trương Văn B**, sinh năm 1986 theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2022 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Đồng bị đơn:** 1/ Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

2/ Ông **Trịnh Văn C**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp I, xã Tr, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại các đơn khởi kiện ngày 15-4-2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trương Văn B trình bày:***

Năm 2020 ông Nguyễn Văn A có tham gia góp 01 phần hui do bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C làm chủ hui, cụ thể: dây hui 2.000.000 đồng mở ngày

06-02-2020 (dl) có 17 phần, mỗi tháng khai 01 lần, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Bà D và ông C có giao cho ông A danh sách hội viên để theo dõi. Hình thức lĩnh hội là hội viên bỏ thăm cao nhất thì được hốt. Hình thức góp hội sau khi đã xác định được người lĩnh hội đầu thảo đi gom tiền của hội viên và giao tại nhà của hội viên được lĩnh hội. Mỗi lần lĩnh hội, hội viên trả huê hồng cho đầu thảo 700.000 đồng. Dây hội này diễn biến như sau:

Lần khai thứ nhất ông V kêu 500.000 đồng, ông Nguyễn Văn A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ hai Chị T kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ ba ông L kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ tư cô C kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ năm bà S kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ sáu bà H kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ bảy bà N kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ tám bà L kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ chín bà L kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ mười ông H kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ mười một ông H kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ mười hai bà Đ kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ mười ba bà XL kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ mười bốn dì T kêu 500.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.500.000 đồng.

Lần khai thứ mười lăm Tr kêu 600.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.400.000 đồng.

Lần khai thứ mười sáu Trịnh Văn C kêu 700.000 đồng, ông A đóng hội sống là 1.300.000 đồng.

Lần thứ mười bảy ông A là người hốt hụi chót được 32.000.000 đồng trừ huê hồng của đầu thảo là 700.000 đồng, còn lại ông A được hốt 31.300.000 đồng, bà D và ông C đã giao cho ông A được 10.000.000 đồng và còn nợ lại 21.300.000 đồng. Sau khi giao cho ông A 10.000.000 đồng đến nay bà D và ông C chưa trả cho ông A khoản tiền nào nữa. Việc bà D và ông C giao hụi một phần và nợ lại 21.300.000 đồng chỉ nói miệng, không lập văn bản đối chiếu.

Do đó ông A yêu cầu ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D giao trả cho ông A số tiền hụi mà ông A lĩnh hụi cuối còn lại là 21.300.000 đồng. Ông A không yêu cầu tính lãi.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C đã được triệu tập họp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 24-6-2022 và 13-7-2022 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.***

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 01 danh sách hụi viên loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 06-02-2020 DL, đây hụi số 2 (photo); 01 căn cước công dân tên Nguyễn Văn A và 05 giấy xác nhận của các hụi viên cùng tham gia đây hụi (bản gốc).

#### **Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:**

Do Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay nên không xác định được vấn đề các bên đã thống nhất và không thống nhất.

#### ***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biểu phùng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C tiếp tục giao số tiền hụi còn lại cho người lĩnh hụi là ông Nguyễn Văn A số tiền 21.300.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Đồng thời bị đơn bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C cư trú tại ấp I, xã Tr, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người C diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Đồng bị đơn bà D và ông C đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C.

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn A yêu cầu bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C trả tiền hui mà ông lĩnh hui cuối sau khi trừ hoa hồng đầu thảo 700.000 đồng và 10.000.000 đồng mà ông C và bà D đã giao cho ông còn lại là 21.300.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi.

Trước khi thụ lý vụ án, toàn bộ hồ sơ khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đã được chuyển cho hòa giải viên để thực hiện thủ tục hòa giải theo quy định của Luật hòa giải đối thoại. Đồng bị đơn ông C và bà D đã được mời hòa giải hợp lệ hai lần (ông C và bà D trực tiếp ký nhận văn bản tổng đạt do hòa giải viên lập) nhưng đều có tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không có thiện chí hòa giải nên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hòa giải tại Tòa án và chuyển đơn của ông A sang thụ lý theo thủ tục tố tụng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành công văn số 215/CV-TA ngày 24/5/2022 kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hui viên do ông A nộp để yêu cầu ông C và bà D đối chiếu danh sách hui viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hui sống cho ông C và bà D và cho ông C và bà D thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C không đến Tòa án trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” (bút lục 40). Tất cả các văn bản trên đều được tổng đạt hợp lệ cho ông C và bà D bằng hình thức niêm yết vì mỗi lần Thư ký Tòa án đến tổng đạt đều không gặp mặt ông C và bà D, người nhà không đồng ý ký nhận văn bản để giao lại cho bà D và ông C. Đến hôm nay ông C và bà D vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến dây hui mà ông A khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn ông A cung cấp được danh sách hui viên của dây hui mà ông khởi kiện (bút lục 04) cũng như xác nhận của các hui viên cùng tham gia góp hui với ông A do ông C và bà D làm đầu thảo (bút lục 53-57). Những chứng cứ do

nguyên đơn giao nộp đều phù hợp với nội dung đơn khởi kiện chứng minh được ông Nguyễn Văn A có tham gia gia góp hội do ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D làm đầu thảo và đã hoàn thành nghĩa vụ đóng hội 16 lần đến khi mãn hội thì vẫn chưa được lĩnh hội cuối.

Xét hợp đồng góp hội giữa ông Nguyễn Văn A với bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C là có thật. Việc làm đầu thảo hội của ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D đã được làm rõ qua xác nhận của các hội viên cùng tham gia chơi hội với ông A (có xác nhận của địa phương về nội dung các hội viên xác nhận là đúng) tại bút lục 53-57 trong hồ sơ vụ án. Trong thời gian từ ngày 06-02-2020 DL (ngày khai lần đầu) đến tháng 06-6-2021 (lần thứ 17) mãn hội, ông Nguyễn Văn A đã khai rõ từng lần khai và ông đã đóng đủ 16 lần cho vợ chồng bà D và ông C để giao cho các hội viên khác, ông A đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của hội viên. Đến kỳ lĩnh hội cuối cùng đáng lẽ bà D và ông C phải gom tiền hội của các hội viên khác giao cho ông A số tiền hội đã đóng và lãi hội của 16 lần là: 23.700.000 đồng vốn gốc và 8.300.000 đồng lãi hội. Tổng cộng 32.000.000 đồng trừ 700.000 đồng hoa hồng cho đầu thảo, còn lại 31.300.000 đồng nhưng ông C và bà D chỉ giao được 10.000.000 đồng. Từ đó xác định ông C và bà D đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên còn sống, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Nguyễn Văn A. Ông A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D và ông Trịnh Văn C giao trả cho ông A số tiền hội mà ông A lĩnh hội cuối còn lại là 21.300.000 đồng là có căn cứ.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phượng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

2. Buộc ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D phải trả tiền hui lĩnh hui cuối mà ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D còn nợ ông Nguyễn Văn A là 21.300.000 đồng (Loại hui hốt loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 06-02-2020 DL, dây hui số 2; măn ngày 06-6-2021 DL).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

**3. Về án phí:** Buộc bị đơn ông Trịnh Văn C và bà Nguyễn Thị D phải chịu 1.065.000 đồng án phí dân sự.

Ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 532.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0009032 ngày 19-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Văn A.

**4. Về quyền kháng cáo:** Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Quyền**

